

# Các vấn đề đương đại về đạo đức trong nghiên cứu khoa học tại Nhật Bản và bài học cho Việt Nam

Hồ Mạnh Tùng<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup> Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup> Graduate School of Asia Pacific Studies, Ritsumeikan Asia Pacific University, Oita, Japan

## Tóm tắt

Nhật Bản thường được biết đến là một cường quốc khoa học không chỉ ở Châu Á mà trên toàn thế giới với rất nhiều giải thưởng khoa học cao quý và sản lượng khoa học ổn định ở mức cao nhiều thập niên qua. Tuy nhiên, trong khoảng 10 năm trở lại đây, thế giới đã thường xuyên ghi nhận những vụ bê bối về đạo đức nghiên cứu tại Nhật Bản. Xem xét kỹ lưỡng nội dung chi tiết các vụ bê bối có thể thấy Nhật Bản đang gặp phải những thách thức nan giải trong việc ngăn chặn và kiểm soát vi phạm đạo đức nghiên cứu. Một phần quan trọng của thách thức này là sự xung đột giữa một bên là những yếu tố có tính lịch sử và văn hóa, và bên kia là sự phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng hợp tác quốc tế mở rộng. Nghiên cứu trường hợp của Nhật Bản có thể mang lại những bài học quan trọng trong việc xây dựng khả năng đào tạo và quản lý đạo đức nghiên cứu tại một nền khoa học mới hội nhập như Việt Nam.

**Từ khóa:** đạo đức nghiên cứu; đạo đức khoa học; Nhật Bản; Việt Nam; phát triển khoa học

## **I. Bối cảnh của nền khoa học Nhật Bản**

Nhật Bản được biết đến là một cường quốc khoa học không chỉ ở Châu Á mà trên toàn thế giới. Theo dữ liệu của Nature Index, là cơ sở dữ liệu theo dõi các cơ quan nghiên cứu được đề tên trong bài báo khoa học chất lượng cao của NXB SpringerNature, Nhật Bản vẫn là một trong những quốc gia có nền khoa học mạnh nhất trên thế giới, với bảy trường đại học nằm trong top 100 và thường xuyên có các giáo sư đạt giải Nobel trong vòng 15 năm qua (Hornyak, 2016). Về đầu tư vào khoa học và kỹ thuật, Nhật Bản đứng thứ ba với 191,3 tỉ USD sau Mỹ (511, 1 tỉ USD) và Trung Quốc (451,1 tỉ USD); nếu tính theo tỉ lệ đầu tư trên GDP, Nhật Bản đứng thứ hai với 3,48 % sau Hàn Quốc với 4, 23%); nếu tính theo số lượng nhà nghiên cứu trên một triệu người, Nhật đứng thứ ba với 0,676 nhà NC/ triệu người, sau Trung Quốc (1,692) và Mỹ (1,380) (Nippon.com, 2019). Mặc dù vậy, theo một báo cáo năm 2015 của Japan's Council of Science, Technology, and Innovation, đầu tư vào khoa học cơ bản của Nhật Bản đã đình trệ trong vòng 10 năm trở lại đây và từ năm 2012, sản lượng khoa học của Nhật đã giảm 12% (Phillips, 2016).

Bên cạnh những tiến bộ và đột phá trong khoa học công nghệ, nền khoa học Nhật Bản cũng vẫn còn tồn đọng những vấn đề lớn liên quan đến vi phạm đạo đức nghiên cứu. Với vị thế là một cường quốc khoa học, những vi phạm khoa học của Nhật Bản luôn được thế giới chú ý. Điển hình là vụ vi phạm nghiêm trọng về giả mạo dữ liệu của nhà sinh học tế bào Yoshinori Watanabe, ĐH Tokyo trong 5 bài báo khoa học (Cyranoski, 2017), trong đó, có các bài được đăng trên các tạp chí khoa học hàng đầu thế giới như Science hay Nature (Tada, Susumu, Sakuno, & Watanabe, 2011; Yamagishi, Honda, Tanno, & Watanabe, 2010). Hoặc là vụ việc hạ điểm thi của nữ sinh viên trong kì thi tuyển sinh vào ĐH Y Tokyo trong nhiều năm (Cyranoski, 2018). Cá biệt là trường hợp Yoshitaku Fujii, ĐH Toho, đã làm giả 172 bài báo KH từ năm 1993 đến 2011, theo điều tra của Hiệp hội Bác sĩ gây mê của Nhật Bản (Dyer, 2012).

Trên khía cạnh thống kê, một nghiên cứu so sánh tình trạng rút bài báo khoa học (retracted journal articles) của các quốc gia dựa trên đánh giá chi tiết về 2.047 bài báo bị rút trên các tạp chí y sinh và sinh học trong cơ sở dữ liệu (CSDL) PubMed<sup>1</sup> đã cho thấy Nhật Bản đứng thứ ba sau Mỹ và Trung Quốc về số lượng bài báo bị rút do gian lận hoặc nghi ngờ gian lận (Fang, Steen, & Casadevall, 2012). Nghiên cứu khác tập trung vào đạo văn và đăng một bài trên nhiều tạp chí (duplicate publication) dựa trên dữ liệu giai đoạn 2008-2012 của PubMed cũng chỉ ra Nhật Bản, với 57 bài báo bị rút, đứng thứ ba sau Mỹ và Trung Quốc về số lượng. Trong đó, nếu so sánh về tỉ lệ rút bài do đăng cùng một bài trên nhiều ấn phẩm, Nhật Bản có tỷ lệ 22.8%, đứng thứ tư sau Phần Lan, Trung Quốc, Tunisia; về rút bài do đạo văn, Nhật Bản có tỉ lệ khá thấp là 3,5% với chỉ 2/54 bài bị rút vì vi phạm này (Amos, 2014).

Gần đây, với sự xuất hiện của mạng xã hội và trào lưu khoa học mở (Open Science), Nhật Bản cũng bắt đầu gặp phải những ca vi phạm do cộng đồng phát giác, chẳng hạn như vụ gian lận trong xử lý dữ liệu và hình ảnh trong một nghiên cứu nổi tiếng trên tạp chí danh giá, *Nature*, của TS. Haruko Obokata đã bị hai cộng đồng mạng là PubPeer và Knoepfler Lab Stem Cell Blog phát hiện (Meskus, Marelli, & D'Agostino, 2018). Tai hại hơn nữa, vụ bê bối này góp một phần quan trọng dẫn đến việc Yoshiki Sasai, nhà khoa học xuất sắc, nhiều công trạng và rất nổi tiếng Nhật, tự vẫn năm 2014.

Có thể thấy, nền khoa học Nhật Bản đối diện với những vấn đề rất phức tạp và hiện đại, do bản chất tiên tiến của mình. Vì vậy, việc quan sát và phân tích những vấn đề đương đại trong việc đương đầu với vi phạm đạo đức tại Nhật Bản sẽ đưa ra những bài học vô cùng quý báu đối với Việt Nam.

---

<sup>1</sup> PubMed là CSDL hàng đầu cho các bài báo khoa học liên quan đến các ngành y khoa và y tế cộng đồng.

## II. Lược sử sự phát triển của đạo đức khoa học tại Nhật Bản

Mặc dù khoa học Nhật Bản có lịch sử lâu đời, những chỉ đến năm 2006, vấn đề về đạo đức khoa học mới trở thành chủ đề nóng bỏng thu được quan tâm từ công chúng, do hàng loạt những bê bối lớn xảy ra trong thời gian đó (Slingsby, Kodama, & Akabayashi, 2006). Trước đó, các tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu y sinh được Nhật Bản du nhập từ phương Tây trong khoảng thập niên 1980, 1990 (Meskus et al., 2018). Trong hai năm 2004 và 2005, hàng loạt các trường ĐH và tổ chức nghiên cứu hàng đầu của Nhật Bản liên tục dính vào các vụ bê bối khoa học. Một nhân viên tại RIKEN, là viện nghiên cứu hàng đầu của Nhật Bản được chính phủ tài trợ, đã lên tiếng chỉ ra việc hai nghiên cứu viên ở đây đã xử lý gian lận kết quả phân tích về DNA. ĐH Osaka và Viện nghiên cứu về Gen Nhật Bản có hai giáo sư tham gia vào một công trình khoa học bị rút do vấn đề nguy tạo dữ liệu. Năm 2005, ĐH Tokyo, Khoa Kỹ thuật, đưa ra thông báo về việc không thể xác nhận được kết quả của một loạt 12 bài báo đăng trong khoảng 1984-2004 tại *Nature* và các tạp chí khác. Tháng 9 năm 2005, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) phát hiện ra việc khai báo gian dối về ba bài báo khoa học của một giáo sư ĐH Nagoya trong hồ sơ xin tài trợ nghiên cứu cho khoản tiền lên tới hàng triệu USD (Slingsby et al., 2006).

Đứng trước những áp lực từ công chúng và thế giới, vào năm 2006, Bộ Giáo dục Nhật Bản đã yêu cầu tất cả các trường đại học thiết lập bộ quy định hành vi đạo đức trong nghiên cứu khoa học và có những hình phạt rõ ràng cho những vi phạm trong đạo đức nghiên cứu (Macfarlane & Saitoh, 2008; Resnik, Rasmussen, & Kissling, 2015). Bên cạnh đó, các trường ĐH và các cơ quan nghiên cứu cũng bắt đầu thiết lập các tiểu ban và hội đồng riêng dành cho đạo đức khoa học (Normile, 2007).

### **III. Các tài liệu và tổ chức quan trọng liên quan đến đạo đức nghiên cứu tại Nhật Bản**

Trong những năm gần đây, bên cạnh các lớp đào tạo cơ bản về nghiên cứu khoa học, trong đó vấn đề đạo đức luôn là một học phần được nhấn mạnh, các nghiên cứu sinh tại Nhật Bản đều được các trường đại học yêu cầu tham gia một khóa huấn luyện trực tuyến về đạo đức nghiên cứu được cung cấp bởi Hiệp hội Nhật Bản cho Sự tiến bộ trong Khoa học (Japan Society for the Promotion of Science) (JSPS, 2014). Khóa học cung cấp các kiến thức tối thiểu về đạo đức nghiên cứu như vấn đề lưu trữ dữ liệu, đạo văn, rủi ro trong nghiên cứu, mâu thuẫn về lợi ích, đồng ý sau khi được giải thích (informed consent) v.v...

Khóa học trên được dựa trên cuốn sách giáo khoa do JSPS ban hành có tựa đề “Vì sự phát triển lành mạnh của khoa học: Thái độ của một nhà khoa học có tâm<sup>2</sup>” (JSPS, 2014). Cuốn sách giáo khoa này là tổng hợp của các tài liệu kinh điển về đạo đức khoa học quan trọng tại Nhật Bản, được tổng hợp trong bảng 1. Ví dụ như, Bộ quy tắc ứng xử cho các nhà khoa học (Code of Conducts for Scientists) được ban hành lần đầu bởi Hội đồng khoa học Nhật Bản (Science Council of Japan) vào tháng mười năm 2006 và được sửa đổi cập nhật vào tháng một năm 2013 (SCJ, 2013). Bộ quy tắc ứng xử này đưa ra 16 nguyên tắc cơ bản thuộc bốn phạm trù đạo đức cho các nhà nghiên cứu:

- trách nhiệm của nhà KH;
- thái độ của nhà KH; nhà KH và xã hội;
- nghiên cứu để trả lời cho những nhu cầu của xã hội: trách nhiệm giải trình;
- nhận thức kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng vào mục đích xấu;

---

<sup>2</sup> Tên tiếng Anh: “For the Sound Development of Science -The Attitude of a Conscientious Scientist-“

- hoạt động nghiên cứu phù hợp với tinh thần của bộ quy tắc; xây dựng môi trường nghiên cứu lành mạnh;
- bảo vệ quyền của đối tượng được nghiên cứu;
- có thái độ xây dựng, tích cực với các nhà NC khác;
- thiết lập đối thoại với xã hội; đưa ra tư vấn khoa học công bằng;
- tư vấn chính sách;
- tuân thủ quy định của pháp luật;
- không phân biệt dưới bất kì hình thức nào; tránh các xung đột về lợi ích.

Bảng 1: Những tài liệu quan trọng trong quản lý nghiên cứu khoa học tại Nhật Bản.

<b>Tài liệu</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
Bộ quy tắc ứng xử cho các nhà khoa học ( <i>Code of Conducts for Scientists</i> )	Hội đồng khoa học Nhật Bản (Science Council of Japan)	(SCJ, 2013)
Hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y tế và y học liên quan đến đối tượng người ( <i>Ethical Guidelines for Medical and Health Research Involving Human Subjects</i> )	Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT)/ Bộ Y tế, Lao động, và Phúc lợi xã hội (MHLW)	(MEXT & MHLW, 2017)
Hướng dẫn quản lý xung đột lợi ích (COIs) trong khoa học sức khỏe và lao động ( <i>Guidelines on the Management of COIs in Health and Labour Sciences Research</i> )	Bộ Y tế, Lao động, và Phúc lợi xã hội (MHLW)	(MHLW, 2018)

Hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền tài trợ nghiên cứu ( <i>Handbook on the Grants-in-Aids for Scientific Research (KAKENHI) Program</i> )	Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) và Hiệp hội vì sự tiến bộ khoa học Nhật Bản (JSPS)	(MEXT & JSPS, 2019)
--	---	---------------------

#### **IV. Lí giải bối cảnh và nguyên nhân của các vi phạm đạo đức nghiên cứu tại Nhật Bản**

Có thể thấy, dù Nhật Bản đã có những cải cách khá quyết liệt để cải thiện việc quản lý vi phạm đạo đức khoa học, tuy vậy, từ cả khía cạnh thống kê và các trường hợp vi phạm nổi tiếng, việc loại bỏ hoàn toàn vi phạm đạo đức gần như là không thể. Đặc biệt là trong bối cảnh Nhật Bản ngày càng mở rộng hợp tác nghiên cứu quốc tế (Armitage, 2019) và các phương pháp kỹ thuật ngày càng trở nên hiện đại, đặt ra các vấn đề mới cho đạo đức nghiên cứu.

##### **4.1 Sự gia tăng cạnh tranh**

Các nghiên cứu về thực trạng đạo đức nghiên cứu tại Nhật đã tìm cách phân tích các nguyên nhân có thể dẫn đến các vụ vi phạm. Đầu tiên, việc gia tăng sự cạnh tranh về tài trợ nghiên cứu và thăng tiến trong sự nghiệp khoa học có lẽ là bối cảnh quan trọng nhất dẫn đến các hành vi gian lận của các nhà khoa học Nhật Bản. Trước năm 2004, 89 trường ĐH quốc gia và bốn viện nghiên cứu đã luôn được chính phủ tài trợ, những sau đó, chính sách mới được đưa ra nhằm thúc đẩy sự tự chủ của các cơ quan trên. Với sự tự chủ trong quản lý hành chính và nhân sự, các cơ quan trên đã thực hiện việc đánh giá thăng chức và phân bổ tài trợ nghiên cứu dựa trên sản lượng nghiên cứu.

Chính sách này đã dẫn đến một môi trường cạnh tranh khốc liệt giữa các cá nhân nhà nghiên cứu và các cơ quan nghiên cứu với nhau (Slingsby et al., 2006).

#### ***4.2 Đạo đức nghiên cứu vẫn là mối mê đối với nhiều nhà KH Nhật Bản***

Một nghiên cứu khác chỉ ra cho đến năm 2008, đạo đức trong nghiên cứu vẫn là những vấn đề rất mới mẻ đối với nhiều giáo sư tại các trường ĐH có trọng tâm nghiên cứu. Trong các cuộc phỏng vấn sâu, các GS tham gia nói rằng nếu không phải do những trường hợp vi phạm nổi tiếng thì họ cũng không mấy quan tâm đến vấn đề này. Họ cũng chỉ ra có những hành vi được coi là vi phạm tại các nước phương Tây nhưng trong văn hóa Nhật Bản có thể chấp nhận được: ví dụ như nhận quà của nghiên cứu sinh. Hoặc có những vấn đề không trực tiếp liên quan đến nghiên cứu nhưng rất nhạy cảm như việc đổi đãi của các GS đối với nghiên cứu sinh; việc đánh giá ai xứng đáng là tác giả; đối với những người thường xuyên phải đọc đề án nghiên cứu, việc xác định ý tưởng nào là của họ, ý tưởng nào đến từ cái họ đọc cũng trở nên phức tạp hơn (Macfarlane & Saitoh, 2008).

#### ***4.3 Phụ nữ, giá trị về sự hài hòa, và các yếu tố văn hóa-lịch sử khác***

Một yếu tố có thể dẫn đến tình trạng vi phạm đạo đức là sự thiếu hụt sự đa dạng trong cộng đồng KH của Nhật Bản. Theo Nature Index, tỉ lệ nhà nghiên cứu nữ tại Nhật là chỉ là 16% (Mallapaty, 2019), một con số rất thấp so với các nước có nền khoa học tiên tiến khác. Hơn nữa, phụ nữ cũng có rất ít đại diện trong các vị trí có tính quyết định. Ví dụ, vào năm 2018 chỉ có 27% nữ giám khảo trong hội đồng đánh giá đề án nghiên cứu của Quỹ Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (JST), chỉ có 5,4% số người nhận tài trợ Core Research for Evolutional Science and Technology (CREST). Theo nhiều nhà nghiên cứu, môi trường văn hóa tại Nhật và những định kiến vô thức là nguyên do dẫn đến sự thiếu vắng tiếng nói của phụ nữ trong KH Nhật Bản (Mallapaty, 2019).



Cùng với việc thiếu vắng tiếng nói của phụ nữ trong cộng đồng KH, ta cũng có thể kể đến những yếu tố văn hóa-lịch sử khác có ảnh hưởng đến tình trạng vi phạm đạo đức nghiên cứu. Tại các nước Phương Tây, *whistle-blower*, người thổi còi, hay người phát giác, luôn được coi trọng và thậm chí coi là anh hùng, như trường hợp của Edward Snowden. Nhưng tại Nhật Bản, do hệ thống văn hóa Không Giáo nhấn mạnh vào sự hài hòa xã hội (Konishi, Yahiro, Nakajima, & Ono, 2009), người thổi còi không được coi trọng và khuyến khích. Thứ hai, việc sử dụng các cơ quan trung ương độc lập có vai trò quản lý giám sát nghiên cứu không có lịch sử lâu dài tại Nhật Bản (Slingsby et al., 2006). Thứ ba, trong văn hóa Nhật Bản, sự phân biệt giữa cấp trên và cấp dưới, tiền bối và hậu bối là rất mạnh (Konishi et al., 2009), điều này có thể dẫn đến việc các nhà nghiên cứu trẻ cảm thấy khó khăn trong việc đặt ra các nghi vấn về quá trình làm nghiên cứu của các tiền bối.

#### ***4.4 Vẫn còn nhiều bất đồng trong định nghĩa vi phạm đạo đức***

Nghiên cứu mới đây của Resnik et al. (2015) cũng chỉ ra rằng có sự không thống nhất giữa định nghĩa về các hành vi vi phạm đạo đức trong tài liệu chính thức của nhóm 22 quốc gia đứng đầu về đầu tư vào khoa học và kỹ thuật (R&D). Resnik và cộng sự cũng chỉ ra trong 40 quốc gia đứng đầu về R&D, chỉ có 22 quốc gia có tài liệu chính thức choc chính sách về vấn đề vi phạm đạo đức nghiên cứu. Với 22 quốc gia này, ngoại trừ sự đồng thuận 100% đối với định nghĩa của nguy tạo dữ liệu, gian lận trong xử lý dữ liệu, và đạo văn, thì các vấn đề đạo đức nghiên cứu khác cũng chưa có đồng thuận về định nghĩa: xung đột lợi ích, vi phạm trong việc điền tên tác giả, đề vi phạm đạo đức trong biên tập và xuất bản, vi phạm trong làm phản biện, vi phạm về tính bảo mật, vi phạm trong lưu trữ dữ liệu, vi phạm quyền con người và động vật trong nghiên cứu. Có thể thấy, khoa học Nhật Bản cũng như trên thế giới cần có sự hợp tác và trao đổi giữa các quốc gia nhằm làm hài hòa các cơ chế đang có, giống như lời kêu gọi của hai chuyên gia Boesz and Lloyd

(2008) trên *Nature*. Hiện nay, hướng dẫn về điều tra vi phạm đạo đức nghiên cứu trong các dự án hợp tác xuyên quốc gia vẫn còn hạn chế và thiếu sự đồng thuận của các quốc gia (OECD, 2009).

## V. Bài học cho Việt Nam

Với một nền khoa học còn non trẻ, những tiêu chuẩn quốc tế chỉ vừa mới được áp dụng trong vài năm trở lại đây (Ho et al., 2020; Vuong et al., 2018), Việt Nam cần đánh giá khách quan những vấn đề trong quản lý đạo đức nghiên cứu của các cường quốc như Nhật Bản để rút ra được những bài học phù hợp với bối cảnh của mình. Trong một nghiên cứu so sánh các quốc gia về vi phạm đạo đức trong khoa học, Ataie-Ashtiani (2018) chỉ ra một thực tế: các nước có tỉ lệ tăng trưởng về xuất bản khoa học cao nhất sẽ có tỉ lệ rút bài cao nhất. Việt Nam, từ năm 2008 – 2018, đã có tỉ lệ tăng trưởng trong công bố bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế là 17% (Vuong, 2019b). Đây là một con số rất cao, do đó, việc thực hiện đào tạo và quản lý nhằm ngăn chặn và hạn chế tối đa việc vi phạm đạo đức nghiên cứu là rất cần thiết.

Từ kinh nghiệm của Nhật Bản, ta có thể thấy, việc gia tăng cạnh tranh trong khi không có đủ các cơ chế quản lý có thể dẫn đến những bê bối khoa học hủy hoại niềm tin của công chúng vào toàn bộ nền khoa học. Học tập theo Nhật Bản, Việt Nam có thể ban hành Bộ Quy tắc ứng xử của nhà khoa học, đồng thời, mỗi trường ĐH và cơ quan nghiên cứu cần thiết lập một hội đồng hoặc tiểu ban độc lập về vấn đề đạo đức (Normile, 2007). Bên cạnh đó, với sự cạnh tranh cho tài trợ nghiên cứu đến từ các cơ quan tư nhân tăng lên ở Việt Nam, việc đào tạo về xung đột lợi ích là cần thiết. Hơn nữa, với sự nhân mạnh vào công bố quốc tế trong ba năm trở lại đây, việc đào tạo và quản lý về tác giả/đồng tác giả bài báo cũng rất quan trọng.

Hiện nay, các ngành khoa học ở Việt Nam có độ lệch nhất định về sản lượng và mức độ tiếp cận với các quy chuẩn của thế giới. Ví dụ, ngành y tế công cộng, kinh tế, và giáo dục là những

ngành có số lượng xuất bản rất cao trong hơn 10 năm qua (Le, Pham, La, & Vuong, 2019), do đó, việc trao đổi liên ngành về vấn đề đạo đức là rất quan trọng.

Thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý khoa học cũng rất quan trọng (Vuong, 2019a). Có thể nói, nếu vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong khoa học Nhật Bản là cao hơn thì những bê bối như trường hợp đánh thập điểm thi đầu vào trường y của nữ sinh tại ĐH Y Tokyo có thể được hạn chế đáng kể (Cyranoski, 2018). Đồng thời, việc nâng cao vai trò và tiếng nói của phụ nữ trong khoa học cũng có thể làm giảm những hành vi định kiến đối với phụ nữ, nhằm tạo ra một môi trường khoa học lành mạnh hơn, bao gồm cả cạnh tranh và có khả năng giúp cải thiện hiệu quả phân phối nguồn lực khoa học.

Ngoài ra, việc tham gia và tổ chức các hội thảo chuyên ngành về vấn đề biên tập, xuất bản khoa học, cùng vào với trao đổi kinh nghiệm về những biện pháp tốt nhất cho đào tạo và ngăn chặn các vi phạm khoa học là rất quan trọng (Vuong, 2019b). Ví dụ, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế Thế giới (OECD) hàng năm thường tổ chức diễn đàn khoa học thế giới, mà trong đó, Nhật Bản là một thành viên đóng vai trò lớn trong việc thúc đẩy việc trao đổi về ngăn chặn vi phạm đạo đức nghiên cứu (OECD, 2007, 2016). Dựa trên nội dung của diễn đàn này, có thể thấy, sự phát triển chóng mặt của khoa học và kỹ thuật tạo ra những vấn đề mới về đạo đức học thuật: như việc sử dụng dữ liệu online, việc truyền tải và xử lý thông tin cá nhân, v.v... Các vấn đề tương tự cần được trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhà khoa học từ các quốc gia và nền văn hóa khác nhau để việc xây dựng hệ thống quản lý đạo đức học thuật được cập nhật và phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Các nghiên cứu thực chứng cho thấy, tác hại của các vi phạm đạo đức nghiên cứu không chỉ hủy hoại sự nghiệp của nhà nghiên cứu có vi phạm, mà còn ảnh hưởng tới đồng tác giả và các tổ chức liên quan; thậm chí ảnh hưởng lên chính niềm tin xã hội vào toàn bộ hệ thống khoa học

dẫn tới cắt giảm đầu tư vào khoa học (Ataie-Ashtiani, 2018; Hussinger & Pellens, 2019; Vuong, 2018, 2020). Do đó, để xây dựng một nền khoa học có nội lực và phát triển bền vững, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm quản lý đạo đức nghiên cứu từ các nước đang phát triển và nhanh chóng xây dựng một cơ chế quản lý linh động, và cập nhật với thời đại.

## **Tài liệu tham khảo**

- Amos, K. A. (2014). The ethics of scholarly publishing: exploring differences in plagiarism and duplicate publication across nations. *Journal of the Medical Library Association : JMLA*, 102(2), 87-91. doi:10.3163/1536-5050.102.2.005
- Armitage, C. (2019). Japan expands international scientific links. *Nature*, 567(S7).  
doi:<https://www.nature.com/articles/d41586-019-00829-z>
- Ataie-Ashtiani, B. (2018). World Map of Scientific Misconduct. *Science and Engineering Ethics*, 24(5), 1653-1656. doi:10.1007/s11948-017-9939-6
- Boesz, C., & Lloyd, N. (2008). Investigating international misconduct. *Nature*, 452(7188), 686-687. doi:10.1038/452686a
- Cyranoski, D. (2017). University says prominent Japanese cell biologist committed misconduct. *Nature News*. Retrieved from <https://www.nature.com/news/university-says-prominent-japanese-cell-biologist-committed-misconduct-1.22394>
- Cyranoski, D. (2018). Japanese university investigates claim that it downgraded women's test scores. *Nature News*. Retrieved from <https://www.nature.com/articles/d41586-018-05903-6>
- Dyer, C. (2012). Japanese doctor is heading for record number of retracted research papers. *BMJ : British Medical Journal*, 345, e4596. doi:10.1136/bmj.e4596

- Fang, F. C., Steen, R. G., & Casadevall, A. (2012). Misconduct accounts for the majority of retracted scientific publications. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, *109*(42), 17028. doi:10.1073/pnas.1212247109
- Ho, M.-T., Vuong, T.-T., Pham, T.-H., Luong, A.-P., Nguyen, T.-N., & Vuong, Q.-H. (2020). The Internal Capability of Vietnam Social Sciences and Humanities: A Perspective from the 2008–2019 Dataset. *Publications*, *8*(2). doi:10.3390/publications8020032
- Hornyak, T. (2016). Eye on the prize, but grasp loosens. *Nature*, *531*(7594), S114-S117. doi:10.1038/531S114a
- Hussinger, K., & Pellens, M. (2019). Guilt by association: How scientific misconduct harms prior collaborators. *Research Policy*, *48*(2), 516-530. doi:<https://doi.org/10.1016/j.respol.2018.01.012>
- JSPS. (2014). For the Sound Development of Science -The Attitude of a Conscientious Scientist- Retrieved from file:///C:/Users/lenovo/Desktop/Japanese%20Research%20Ethics/rinri\_e.pdf
- Konishi, E., Yahiro, M., Nakajima, N., & Ono, M. (2009). The Japanese value of harmony and nursing ethics. *Nursing Ethics*, *16*(5), 625-636. doi:10.1177/0969733009106654
- Le, T., Pham, H., La, V., & Vuong, Q. (2019). The faster-growing fields. In: Q.-H. Vuong & T. Tran (Eds.), *The Vietnamese Social Sciences at a Fork in the Road* (pp. 52-79). Warsaw, Poland: De Gruyter.
- Macfarlane, B., & Saitoh, Y. (2008). Research Ethics in Japanese Higher Education: Faculty Attitudes and Cultural Mediation. *Journal of Academic Ethics*, *6*(3), 181-195. doi:10.1007/s10805-008-9065-9

- Mallapaty, S. (2019). Unconscious bias limits women's careers. *Nature*, 567(S22-S23).  
doi:10.1038/d41586-019-00832-4
- Meskus, M., Marelli, L., & D'Agostino, G. (2018). Research misconduct in the age of open science: The case of STAP stem cells. *Science as Culture*, 27(1), 1-23.
- MEXT, & JSPS. (2019). Handbook on the Grants-in-Aids for Scientific Research (KAKENHI) Program. Retrieved from <https://www.jsps.go.jp/english/e-grants/data/handbook.pdf>
- MEXT, & MHLW. (2017). Ethical guidelines for medical and health research involving human subjects. Retrieved from <https://www.mhlw.go.jp/file/06-Seisakujouhou-10600000-Daijinkanboukouseikagakuka/0000080278.pdf>
- MHLW. (2018). Guidelines on the Management of COIs in Health and Labour Sciences Research [厚生労働科学研究における利益相反 (Conflict of Interest: COI) の管理に関する指針]. *Ministry of Health, Labour and Welfare*. partially revised on June 26, 2018. Retrieved from <https://www.mhlw.go.jp/file/06-Seisakujouhou-10600000-Daijinkanboukouseikagakuka/0000152586.pdf>
- Nippon.com. (2019). Japan's science and technology research spending at new high. *Japan Data/Science*. Retrieved from <https://www.nippon.com/en/japan-data/h00388/japan%E2%80%99s-science-and-technology-research-spending-at-new-high.html>
- Normile, D. (2007). Japan's universities take action. *Science*, 315(5808), 26.  
doi:10.1126/science.315.5808.26
- Obokata, H., Wakayama, T., Sasai, Y. et al. (2014). RETRACTED ARTICLE: Stimulus-triggered fate conversion of somatic cells into pluripotency. *Nature*, 505, 641–647.  
<https://doi.org/10.1038/nature12968>

- OECD. (2007). Best practices for ensuring scientific integrity and preventing misconduct. *Global Science Forum Report*. Retrieved from <http://www.oecd.org/science/inno/40188303.pdf>
- OECD. (2009). Investigating research misconduct allegations in international collaborative research projects: A practical guide. *Global Science Form*. Retrieved from <http://www.oecd.org/science/inno/42770261.pdf>
- OECD. (2016). Research ethics and new forms of data for social and economic research. doi:doi:<https://doi.org/10.1787/5jln7vnpxs32-en>
- Phillips, N. (2016). Nature Index 2016 Japan. *Nature*, 531(7594), S97-S97. doi:10.1038/531S97a
- Resnik, D. B., Rasmussen, L. M., & Kissling, G. E. (2015). An international study of research misconduct policies. *Accountability in Research*, 22(5), 249-266. doi:10.1080/08989621.2014.958218
- SCJ. (2013). Code of conduct for scientists –revised version-. Retrieved from [http://www.scj.go.jp/en/report/Code\\_of\\_Conduct\\_for\\_Scientists-Revised\\_version.pdf](http://www.scj.go.jp/en/report/Code_of_Conduct_for_Scientists-Revised_version.pdf)
- Slingsby, B. T., Kodama, S., & Akabayashi, A. (2006). Scientific misconduct in Japan: The present paucity of oversight policy. *Cambridge Quarterly of Healthcare Ethics*, 15(3), 294-297.
- Tada, K., Susumu, H., Sakuno, T., & Watanabe, Y. (2011). Condensin association with histone H2A shapes mitotic chromosomes. *Nature*, 474(7352), 477-483. doi:10.1038/nature10179
- Vuong, Q.-H. (2018). The (ir)rational consideration of the cost of science in transition economies. *Nature Human Behaviour*, 2(1), 5-5. doi:10.1038/s41562-017-0281-4
- Vuong, Q.-H. (2019a). Breaking barriers in publishing demands a proactive attitude. *Nature Human Behaviour*, 3(10), 1034-1034. doi:10.1038/s41562-019-0667-6

- Vuong, Q.-H. (2019b). The harsh world of publishing in emerging regions and implications for editors and publishers: The case of Vietnam. *Learned Publishing*, 32(4), 314-324.  
doi:10.1002/leap.1255
- Vuong, Q.-H. (2020). Reform retractions to make them more transparent. *Nature*, 582(7811), 149. doi:10.1038/d41586-020-01694-x
- Vuong, Q.-H., La, V.-P., Vuong, T.-T., Ho, M.-T., Nguyen, H.-K. T., Nguyen, V.-H., . . . Ho, M.-T. (2018). An open database of productivity in Vietnam's social sciences and humanities for public use. *Scientific Data*, 5(1), 180188. doi:10.1038/sdata.2018.188
- Yamagishi, Y., Honda, T., Tanno, Y., & Watanabe, Y. (2010). Two Histone Marks Establish the Inner Centromere and Chromosome Bi-Orientation. *Science*, 330(6001), 239.  
doi:10.1126/science.1194498